

## Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Lê Đông



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH HẢI PHÒNG - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI<br>TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>Khu trung tâm thương mại Vincom Lê Thánh Tông, Số 5 Đường Lê Thánh<br>Tông, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam<br>MST: 0104918404-025<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>6224-WM+ HPG 415-416 Lô 22C Lê Hồng Phon<br>6224 - WM+ HPG 415-416 Lô 22C Lê Hồng Phon<br>Số 415- 416, Lô 22C, KĐT M Ngã 5 sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê,<br>Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Việt Nam<br>2471066866-62241<br><b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002010660</b><br>CTY CP ĐẠI THUẬN PHÂN PHỐI<br>59-61 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu, | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4176495879<br>Ngày đặt hàng (PO date) 03.09.2025<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 001 - ĐH qua DC(VM/VM+)<br>Người đặt hàng (Purchaser) ROP Integration User<br>Số điện thoại<br>Email<br>Ngày giao (Delivery Date) 10.09.2025<br>Ghi chú D0003200404 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| Stt<br>(No.)                                           | Tên hàng<br>(Item Description)                       | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| 10                                                     | 10405642<br>BRINGRAE Sữa tiết trùng h.dừa lười 200ml | 8801104940153        | 4                      | G6            | 87,273                  | 349,092                      |
| 20                                                     | 10198650<br>BINGGRAE Sữa tiết trùng v.Chuối(200ml*3) | 8801104947480        | 8                      | G3            | 43,636                  | 349,088                      |
| <b>Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount)</b> |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>698,180</b>               |
| <b>- 5% (VAT)</b>                                      |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>0</b>                     |
| <b>- 8% (VAT)</b>                                      |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>55,854.4</b>              |
| <b>- 10% (VAT)</b>                                     |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>0</b>                     |
| <b>- 15% (VAT)</b>                                     |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>0</b>                     |
| <b>Thuế GTGT (VAT Amount)</b>                          |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>55,854.4</b>              |
| <b>Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)</b>            |                                                      |                      |                        |               |                         | <b>754,034.4</b>             |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)

### Nhà cung cấp lưu ý:

- Giá mua trên đơn đặt hàng là giá mua chính thức, nếu có chênh lệch so với báo giá thì báo lại nhân viên đặt hàng để điều chỉnh giá trước khi giao hàng.
- Vui lòng điền số đơn đặt hàng và mã nhà cung cấp vào hóa đơn và phiếu giao hàng.